TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH** Bản án số: 55/2023/HS-ST Ngày: 16-11-2023	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Lê Trung Thành.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Trực, Toà án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2023/TLST- HS ngày 02 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên **Hồ Văn Đ**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 11/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hồ Ngọc Đ1, sinh năm 1950 và bà Đoàn Thị L (đã chết); gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ tư; chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/9/2023 đến ngày 04/10/2023 chuyển tạm giam cho đến nay.

Bị hại: Anh Trần Như H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trương Mạnh H1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa có mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt bị hại).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân, là người nghiện ma tuý nên Hồ Văn Đ, sinh năm 1985; trú tại: Tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 11 giờ ngày 27/9/2023, Hồ Văn Đ đi bộ quanh khu vực tổ dân phố số A, thị trấn N, Được nhìn thấy trước cổng nhà anh Trần Như H, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố số A, thị trấn N đang dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng - bạc - đen, biển số 18K1-151.09. Xe mô tô này của bà Nguyễn Thị L1 là mẹ đẻ của anh Trần Như H đã cho anh H từ năm 2013 (đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L1, anh H để trong cốp xe). Được thấy không có ai trông coi, chìa khoá đang cắm sẵn ở ổ khoá, Đ đi đến ngồi lên xe mở khoá, nổ máy xe và đi xe sang huyện V, tỉnh Nam Định để tìm chỗ bán xe. Khi đến quán nước đầu đường liên thôn P, xã T, huyện V thì Được gặp anh Trương Mạnh H1, sinh năm 1989, trú tại thôn P, xã T đang ngồi uống nước. Khi gặp anh H1, Được giới thiệu tên mình là Đoàn Văn C, ở đội E, xã L, huyện V và nói với anh H1 chiếc xe này Được đã đi được 3 năm giờ không có nhu cầu sử dụng nên bán lại cho anh H1, xe có giấy tờ không phải tên chính chủ của Được mà tên là Nguyễn Thị L1, ở thôn D, thị trấn N, huyện N. Anh H1 đồng ý mua xe với giá 5.300.000 đồng, sau đó Được viết giấy bán xe (đứng tên người bán là Đoàn Văn C, ở đội E, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định). Sau khi viết xong giấy bán xe Được đã giao xe, đăng ký xe mô tô cho anh H1. Số tiền bán xe Được đã tiêu hết 3.100.000 đồng, số tiền còn lại 2.200.000 đồng Được cất giấu tại nhà ở của mình. Ngày 28/9/2023, anh Trần Như H có đơn trình báo về việc mất xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 18K1-151.09 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Ngày 28/9/2023, qua làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, biết chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 18K1-151.09 là do Hồ Văn Đ trộm cắp mà có nên anh Trương Mạnh H1 tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng - bạc - đen, biển số 18K1-151.09; 01 đăng ký xe mô tô mang tên chủ xe Nguyễn Thị L1 và 01 giấy mua bán xe cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Ngày 28/9/2023, Hồ Văn Đ ra đầu thú và tự nguyện giao nộp số tiền 2.200.000 đồng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng - bạc - đen, biển số 18K1-151.09 có trị giá tại thời điểm xảy ra sự việc là 12.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Hồ Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKS ngày 02 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực truy tố bị cáo Hồ Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trương Mạnh H1 ý kiến: chiếc xe nhãn hiệu Honda Vision màu trắng - bạc - đen, biển số 18K1-151.09 anh mua của bị cáo với số tiền 5.300.000đồng, sau khi biết chiếc xe này do Được trộm cắp anh đã tự nguyện nộp lại chiếc xe cho cơ quan điều tra. Nay anh yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 5.300.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực thực hành quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hồ Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu gì thêm về bồi thường dân sự nên về trách nhiệm dân sự không xem xét; Anh H1 yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 5.300.000đ, được đối trừ số tiền 2.200.000đ bị cáo Đ đã tự nguyện nộp lại tại cơ quan điều tra, buộc bị cáo phải tiếp tục hoàn trả cho anh H1 số tiền là 3.100.000đ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho anh Trương Mạnh H1 số tiền 2.200.000đ, được thể hiện tại ủy nhiệm chi ngày 02/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nam Trực.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Hồ Văn Đ phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Phần tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị hại vắng mặt, tuy nhiên hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ lời khai của họ trong quá trình điều tra. Việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh: Xét lời khai nhận của bị cáo Hồ Văn Đ tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ như: Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bản kết luận định giá tài sản; đơn xin đầu thú của bị cáo và các tài liệu khác đã được lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 27/9/2023, tại khu vực trước cổng nhà anh Trần Như H, sinh năm 1983, ở tổ dân phố số A, thị trấn N, huyện N, tỉnh Nam Định, Hồ Văn Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng - bạc - đen, biển số 18K1-151.09 của anh Trần Như H có trị giá 12.000.000 đồng. Bị cáo là người có thể chất, tinh thần bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực đã truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện thì thấy: Do không có tiền tiêu sài cá nhân, là người nghiện ma túy, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, lén lút trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng trật tự trị an xã hội và bất bình trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn

khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức là vi phạm pháp luật nên đã đến cơ quan công an đầu thú và nộp số tiền bán xe còn lại; chiếc xe mô tô bị cáo trộm cắp đã được trả lại cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như phân tích ở trên. Xét cần áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự để quyết định một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần tiếp tục tạm giam đối với bị cáo để đảm bảo mục đích của hình phạt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, là người nghiện ma túy nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng - bạc - đen, biển số 18K1-151.09 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị L1, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Trần Như H. Anh H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, không có yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo đã bán chiếc xe mô tô trộm cắp được cho anh Trương Mạnh H1 lấy số tiền 5.300.000đ, sau khi biết chiếc xe mô tô do bị cáo trộm cắp anh H1 đã tự nguyện nộp lại chiếc xe mô tô cho cơ quan điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Trần Như H. Nay anh H1 yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 5.300.000đ, đối trừ số tiền 2.200.000đ bị cáo Đ đã tự nguyện nộp lại tại cơ quan điều tra, buộc bị cáo phải tiếp tục hoàn trả cho anh Trương Mạnh H1 tổng số tiền 3.100.000đ theo quy định tại Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[8] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 2.200.000 đồng mà bị cáo nộp tại cơ quan điều tra, xét đây là số tiền Được bán xe cho anh Trương Mạnh H1 nên cần trả lại cho anh H1 là phù hợp.

[9] Đối với hành vi của anh Trương Mạnh H1 khi mua chiếc xe máy của Đ, anh H1 không biết chiếc xe máy trên do Được trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự đối với anh H1 là có căn cứ.

[10] Về án phí: Bị cáo Hồ Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hồ Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt bị cáo Hồ Văn Đ 12 *(mười hai)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/9/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Trương Mạnh H1 số tiền 5.300.000đ (năm triệu ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền số tiền 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) bị cáo đã tự nguyện nộp lại tại cơ quan điều tra, bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả cho anh Trương Mạnh H1 tổng số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng).

3. Nghĩa vụ thi hành: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào các Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Trả lại cho anh Trương Mạnh H1 số tiền 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng);

(Số tiền trên được thể hiện tại Ủy nhiệm chi ngày 02/11/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nam Trực).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, buộc bị cáo Hồ Văn Đ phải nộp

200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Xuân Tiến **Lê Trung Thành**

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Công an huyện;
- THA DS huyện;
- UBND thị trấn Nam Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án và VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Nga